TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH HÓA** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ -ST
Ngày: 23/4/2021.
"*Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các hội thâm nhân dân: 1.Ông Phạm Đức Tuế.

2.Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị L, sinh 1984.

Nơi ĐKHKTT: Xóm TT, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm BN, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt).*

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Xóm TT, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tạ Thị L trình bày:

Chị và anh M kết hôn với nhau vào ngày 13/3/2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn anh, chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh M làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình chồng được 04 tháng vợ chồng ra ăn ở riêng trên đất của bố mẹ chồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là trong ăn ở sinh hoạt gia đình và cách nuôi dạy con cái, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh M thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, chị khuyên bảo nhưng anh M không nghe nên liên tục sảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, sống không hạnh phúc và do kinh tế khó khăn chị đi làm công nhân tại Thái Nguyên, thời gian chị đi làm xa anh M không quan tâm, không hỏi thăm gì đến chị, ngày cuối tuần chị được nghỉ về nhà nhưng vợ chồng cũng không chuyện trò, không nói gì với nhau, việc ai người ấy làm, không quan tâm đến nhau, chị góp ý nhưng anh M không thay đổi tính tình, nếp sống. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay và không quan tâm gì đến nhau. Anh M không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị còn thực tế cũng không còn tình cảm gì với chị, vợ chồng đã sảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể ở cùng nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 18/12/2006, hiện nay đang học tại trường Trung học cơ sở Hoàng Ng xã ĐM và Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh ngày 24/3/2011 đang học tại trường Tiểu học ĐM, hiện nay cả hai con đang ở với anh M. Ly hôn chị xin được nuôi con chung là Nguyễn Thị Tuyết Ng. Cháu Nguyễn Thanh H để anh M được tiếp tục nuôi dưỡng, nếu anh M không nuôi con chung thì chị xin nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh M pH đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập của chị hiện nay trung bình khoảng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/01 tháng, đủ nuôi con, đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Chị L xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh M trình bày*:

Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, về những mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian sống ly thân, về con chung như chị L trình bầy là đúng.Về mâu thuẫn của vợ chồng anh M xác định từ tháng 10/2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày. Chị L đi làm công nhân xa nhà, thời gian đầu có gọi điện về cho chồng con, có gửi tiền về cho anh để chăm lo cho gia đình và nuôi con sau đó thì ít gọi điện về rồi không gọi nữa, có gọi nói chuyện thì lại cãi nhau, anh có hỏi thì chị L cho rằng đi làm về mệt không có thời gian về thăm nhà và gọi điện cho anh, từ đó vợ chồng xa cách dần và không có tình cảm, thỉnh thoảng chị L về nhưng không nói chuyện gì với anh. Đến tháng 8/2018 mẫu thuẫn vợ chồng trầm trọng, những ngày lễ tết chị L chỉ về nhà một lúc rồi lại đi xuống chỗ làm ngay hoặc về nhà bố mẹ đẻ ở không ở nhà với chồng, con. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì anh thương con, không muốn con bị thiếu vắng tình cảm và sự chăm sóc của bố và mẹ.

- Về con chung: Anh M xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 18/12/2006 hiện nay đang học tại trường Trung học cơ sở Hoàng Ng xã ĐM và Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh ngày 24/3/2011 đang học tại trường Tiểu học ĐM hiện nay cả hai con đang ở với anh như chị L trình bầy là đúng. Ly hôn anh xin tiếp tục được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị L pH đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với mức 750.000đ/01 tháng/con (02 con là 1.500.000đ/tháng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được. Nếu anh không được nuôi cả hai con thì anh xin được nuôi cháu Nguyễn Thanh H và không yêu cầu chị L pH đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Anh M đang làm ruộng và khi nông nhàn anh làm thợ xây thu nhập bình quân hàng tháng vào từ 9.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng, đề nghị Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung: Anh M xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Anh M xác định chị L không có công sức gì.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, việc cấp giao tống đạt văn bản tố tụng, việc xác M, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn anh M; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 18/12/2006 cho anh M trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh ngày 24/3/2011 cho chị L trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L, anh M do chị L, anh M tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung: Chị L, anh M tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác M, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi mà bị đơn cư trú xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác M. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L cho thấy:

- Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hạnh phúc. Đến tháng 10/2017 vợ chồng bắt đầu sảy ra mâu thuẫn trong ăn, ở sinh hoạt hàng ngày, đến tháng 8/2018 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, luôn xẩy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị L cho rằng do anh M không quan tâm đến chị, con và gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên chửi mắng, xúc phạm nhau, chị góp ý nhưng anh M không nghe, anh M cho rằng vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống trong ăn ở sinh hoạt, nuôi dạy con cái. Từ khi chị L đi làm công nhân xa nhà thì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ngày tết chị L không về nhà ăn tết mà lại về nhà bố mẹ đẻ ở. Như vậy cho thấy giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng đi tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do và đổ lỗi cho nhau về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc chị L xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, đã giành nhiều thời gian cho vợ chồng để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Anh M cũng không đưa ra được biện pháp, cách thức nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị L cương quyết xin được ly hôn anh M. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, đúng thực tế. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị L cần được chấp nhận.

[3]. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Về yêu cầu xin nuôi con chung của chị L, anh M xét thấy: Chị L và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 18/12/2006 và Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh ngày 24/3/2011. Chị L, anh M đều có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định, nguyện vọng của cháu Ng xin được ở với mẹ đúng yêu cầu, nguyện vọng của chị L, cháu H xin được ở với bố, vì vậy anh M xin được nuôi cả hai con chung là không phù hợp, không được chấp nhận. Việc giao cháu Ng cho chị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của chị L, của cháu Ng và giao cháu H cho anh M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của của cháu H, phù hợp một phần nguyện vọng của anh M. Vì vậy cần giao cháu Nguyễn Thị Tuyết Ng cho chị L và giao cháu Nguyễn Thanh H cho anh M nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung được tốt nhất, đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của cả hai con chung.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh M xác định, anh xin được nuôi cả hai con chung là cháu Tuyết và cháu H và yêu cầu chị L pH đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với mức 750.000đ/01tháng/ con nhưng đã không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Lưu, anh M mỗi người nuôi một con chung và đều tự nguyện không yêu cầu bên nào pH cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4].Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức:

- Về tài sản chung: Chị L, anh M thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị L, anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị L, anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường cụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thanh M.

2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị L, được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh ngày 24/3/2011 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được hoặc có sự thay đổi khác. Giao cho anh Nguyễn Thanh M, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 18/12/2006 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được hoặc có sự thay đổi khác. Chị L, anh M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Thanh M, do chị L, anh M tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Thanh M thống nhất xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Thanh M đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng, nhà vợ: Chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Thanh M đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị L pH chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005216 ngày 29/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐM;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng